TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:76/2024/HS- ST
Ngày 22-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thiện
Bà Cáp Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2024/TLST- HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2024/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên:Lương Ngọc N, sinh năm 2001

Tên gọi khác: không; nơi ĐKHK và chỗ ở: thôn D, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Ngọc H và bà: Phạm Thị N1; vợ, con: chưa có; nhân thân: không; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên toà).

* Bị hại: ông Ngô Đức T, sinh năm 1971 (đã chết)

* Đại diện hợp pháp của ông T:

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974 (có mặt)
- Chị Ngô Thị H2, sinh năm 2008 (có mặt)
- Anh Ngô Đức A, sinh năm 2011 (có mặt)

Chị Ngô Thị H2, anh Ngô Đức A do bà Nguyễn Thị H1 đại diện theo pháp luật.
Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Ngô Thị Đức K, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Ngô Thị T1, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

* Người đại diện theo uỷ quyền của bà H1, chị K, chị T1, chị H2, anh A: ông Ngô Đức Q, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

* Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn D, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 30/6/2024, Lương Ngọc N, sinh năm 2001, trú quán thôn D, xã L, huyện T (có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10 hướng thị trấn C đi thị trấn N, huyện T. Đi cùng N là anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992 (trú quán cùng thôn và là bạn của N) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98H1-047.43 đi phía sau cách xe Nam khoảng 10 mét. Khi đến Km83+880, Quốc lộ A, đoạn đường thuộc thôn Đ, xã L, huyện T, lúc này là khoảng 20 giờ 10 phút cùng ngày, N khai điều khiển xe đi tốc độ khoảng 40 - 45km/h. Thời điểm này, ông Ngô Đức T, sinh năm 1971, trú quán thôn Đ, xã L, huyện T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98K1-111.09 đi cùng chiều phía trước. Khi đó, ông T bật đèn xi nhan bên trái để rẽ trái còn N không bật tín hiệu xin vượt mà tăng ga điều khiển xe sang phía bên trái xe của ông T để vượt nên phần đầu bên phải xe mô tô do N điều khiển đã đâm vào phần bên trái xe mô tô do ông T điều khiển làm hai xe bị đổ, ông T và N đều ngã ra đường, N bị thương nhẹ còn ông T bất tỉnh. Sau đó ông T được đưa đến Trung tâm Y tế huyện T sơ cứu, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B và Bệnh viện H5 điều trị. Đến ngày 01/7/2024, ông T chết.

* Kết quả khám nghiệm hiện trường hồi 20 giờ 40 phút ngày 30/6/2024 thể hiện:Hiện trường đã bị xáo trộn một phần do quá trình đưa nạn nhân đi cấp cứu và ảnh hưởng do quá trình tham gia giao thông của người và phương tiện khác qua lại.

Mô tả hiện trường chung: Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường cong từ trái sang phải theo hướng thị trấn C đi N có lòng đường trải nhựa bằng phẳng rộng 11,50m, lề đường phải rộng 1,50m, lề trái rộng 1,80m. Giữa đường có vạch sơn màu vàng đứt quãng phân chia lòng đường nhựa thành hai chiều xe chạy, trên mỗi chiều đường có vạch sơn liền màu trắng phân chia hai làn xe chạy trên mỗi chiều đường.

Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết: (1) là dấu vết cày xước mặt đường nhựa đứt quãng; (2) là dấu vết cày xước mặt đường nhựa đứt quãng; (3) là vị trí xe mô tô biển số 98K1-111.09; (4) là vị trí xe mô tô biển số 98H1-442.10.

Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn: Xác định cột mốc H9/83 bên phải lề đường hướng thị trấn C đi thị trấn N làm điểm mốc; Lấy mép đường nhựa bên phải hướng thị trấn C đi thị trấn N làm chuẩn.

Mô tả theo thứ tự vị trí nạn nhân, phương tiện, dấu vết: Tại hiện trường phát hiện dấu vết cày xước mặt đường nhựa đứt quãng (1) có kích thước (10,40x0,35)m chiều hướng thị trấn C đi thị trấn N. Điểm cuối vết (1) trùng với đầu tay nắm bên trái xe mô tô biển số 98K1-111.09. Tiến hành đo điểm đầu vết (1) đến điểm xác định làm mốc là 19,30m.

Đo từ mép đường nhựa lấy làm chuẩn đến: Điểm đầu vết (1) là 5,15m; Điểm cuối vết (1) là 6,20m.

Cách điểm đầu vết (1) 1,45m phát hiện điểm đầu dấu vết cày xước mặt đường nhựa đứt quãng (2). Dấu vết (2) có kích thước (8,95x0,30)m, chiều hướng thị trấn C đi thị trấn N. Điểm cuối vết (2) trùng với đầu tay phanh bên phải xe mô tô 98H1-442.10. Đo từ mép đường nhựa lấy làm chuẩn đến: Điểm đầu vết (2) là 6,47; Điểm cuối dấu vết (2) là 10,20m. Xe mô tô biển số 98K1-111.09 đổ nghiêng trái, toàn bộ bộ xe nằm trong lòng đường nhựa, đầu xe quay chếch hướng đi thị trấn N. Đo từ điểm đầu dấu vết (1) đến: T3 trục bánh trước xe mô tô biển số 98K1-111.09 là 10,20m; T3 trục bánh sau xe mô tô biển số 98K1-111.09 là 9,60m. Tiến hành đo từ mép đường lấy làm chuẩn đến: T3 trục bánh trước xe mô tô biển số 98K1-111.09 là 5,35m; T3 trục bánh sau xe mô tô biển số 98K1-111.09 là 6,40m. Xe mô tô 98H1-442.10 đổ nghiêng phải, đầu xe quay hướng thị trấn N. Đo từ điểm đầu dấu vết (1) đến: T3 trục bánh trước xe mô tô 98H1-442.10 là 10,95m; T3 trục bánh sau xe mô tô 98H1-442.10 là 10,10m. Tiến hành đo từ mép đường lấy làm chuẩn đến: T3 trục bánh trước xe mô tô 98H1-442.10 là 10,55m; T3 trục bánh trước xe mô tô 98H1-442.10 là 11,00m. Đo từ tâm trục bánh trước xe mô tô 98H1-442.10 đến: T3 trục bánh trước xe mô tô biển số 98K1-111.09 là 5,35m; T3 trục bánh sau xe mô tô biển số 98K1-111.09 là 4,20m. Mở rộng hiện trường: Tại vị trí trước nơi xảy ra vụ tai nạn trên lề đường bên phải hướng thị trấn C đi thị trấn N phát hiện có cột biển báo số W.207b (biển cảnh báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên). Tang vật, phương tiện thu giữ: 01 xe mô tô biển số 98K1-111.09 và xe mô tô biển số 98H1-442.10.

Kết quả xét nghiệm nước tiểu ngày 30/6/2024 thể hiện anh T âm tính với các chất ma túy. Kết quả xét nghiệm ngày 04/7/2024 thể hiện anh T có nồng độ cồn là 37,1mg/dL. Kết quả đo nồng độ cồn hồi 21 giờ 09 phút ngày 30/6/2024 thể hiện nồng độ cồn của N là 0,000mg/L. Kết quả xét nghiệm chất ma túy ngày 01/7/2024 thể hiện Nam âm tính.

* Kết quả khám tử thi hồi 15 giờ 15 phút ngày 01/7/2024 thể hiện:

Chiều dài tử thi 1,60m, thể trạng phát triển bình thường, tình trạng tử thi đang trong giai đoạn mềm lạnh. Vùng đầu: Tóc đen, cắt trung bình. Chẩm trái có vết chợt da kích thước (2,5x1,5)cm và vết bầm tím kích thước (6x3)cm. Vùng mặt:

Hai mắt nhắm tự nhiên, mũi, miệng khô, lỗ tai trái đọng máu màu đỏ, hố mắt phải bầm tím kích thước (6x3)cm, hố mắt trái bầm tím kích thước (5,3x3)cm. Thái dương phải sưng nề kích thước (10x9)cm, vành tai phải và sau tai phải bầm tím kích thước (7x6)cm. Vùng cổ chắc, kiểm tra không thấy dấu vết thương tích. Vùng ngực, bụng, lưng, mông: Thắt lưng trái có đám chợt da kích thước (9x5)cm, ngực, bụng, mông không có dấu vết thương tích. Tay phải: Kiểm tra không thấy có dấu vết thương tích. Mặt sau cổ tay trái có vết chợt da kích thước (1x1)cm. Chân phải: Kiểm tra không có dấu vết thương tích. Chân trái: Mặt trước 1/3 giữa cẳng chân có đám chợt da kích thước (10x5)cm. Bộ phận sinh dục không tổn thương. Hậu môn không thoát phân. Kiểm tra kỹ bên ngoài không phát hiện tổn thương khác. Mổ từ thi: Sọ não: Rạch da vùng đầu kiểm tra thấy tụ máu dưới da vùng đỉnh chẩm, thái dương phải kích thước (17x16)cm, vỡ xương sọ vùng chẩm trái, đỉnh, thái dương phải KT(27x1,5)cm, qua khe xương vỡ có nhiều máu màu đỏ chảy ra.

Ngày 02/7/2024, anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1986, trú quán thôn Đ, xã L, huyện T giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 File video có tên "5596168196216.mp4" dung lượng 3,74MB. Anh T4 trình bày đây là file video trích xuất từ camera an ninh của gia đình anh T4 ghi lại hình ảnh diễn biến vụ tai nạn ngày 30/6/2024 tại thôn Đ, xã L, huyện T. Cơ quan điều tra tiến hành lưu trữ file video này vào 01 đĩa DVD-R nhãn hiệu Maxell, màu cam đồng thời niêm phong theo quy định.

Ngày 08/7/2024, Cơ quan điều tra tạm giữ của Lương Ngọc N: 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số 240208013222 mang tên Lương Ngọc N do Sở Giao thông Vận tải tỉnh B cấp ngày 23/9/2020; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 98001234 của xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10 mang tên Lương Ngọc N do Công an xã L cấp ngày 25/01/2024; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô biển kiểm soát 9H1-442.10.

* Tại Kết luận giám định số 1608/KL-KTHS ngày 22/7/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file video gửi giám định. Trích xuất được 06 hình ảnh thể hiện diễn biến của vụ việc có trong file video gửi giám định.

* Tại Kết luận giám định tử thi số 4747/KLDGGTT-TTPY ngày 23/7/2024 của Trung tâm P – Sở Y kết luận:

1. Các kết quả chính qua giám định:

- Khám ngoài: Vùng chẩm trái có vết chợt da và vết bầm tím; Lỗ tai trái đọng máu màu đỏ; Hố mắt phải bầm tím; Hố mắt trái bầm tím; Vùng thái dương phải sưng nề; Vành tai phải và sau tai phải bầm tím; Vùng thắt lưng trái có vết chợt da.

- Khám trong: Sọ não: Rạch da vùng đầu kiểm tra thấy: Tụ máu dưới da vùng đỉnh – chẩm – thái dương phải kích thước (17x16)cm. Vỡ xương sọ vùng chẩm trái – đỉnh – thái dương phải kích thước (27x15)cm, qua khe xương vỡ có nhiều máu màu đỏ chảy ra ngoài.

2. Kết luận: Nguyên nhân chết: Chết do đa chấn thương sọ não, vỡ xương sọ, chảy máu nội sọ.

3. Kết luận khác: Thời gian chết cách thời điểm khám nghiệm dưới 6 giờ. Các thương tích ở mục kết quả chính qua giám định là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết của ông T. Cơ chế, chiều hướng, vật, lực gây nên thương tích: Các thương tích do va chạm với vật tày gây nên, không xác định được chiều hướng và lực tác động.

* Tại Kết luận giám định số 1713/KL-KTHS ngày 05/8/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

(1) Dấu vết trượt xước sơn, nhựa, kim loại, bám dính chất màu trắng tại mặt nạ, chắn bùn bánh trước, giảm sóc trước bên phải của xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10 có chiều hướng từ trước ra sau (ảnh số 8, 9, 10, 12 bản ảnh khám nghiệm phương tiện) phù hợp với dấu vết gãy vỡ, trượt xước sơn, nhựa, bám dính chất màu đen tại cánh yếm bên trái của xe mô tô biển kiểm soát 98K1-111.09 có chiều hướng từ sau ra trước (ảnh 9 đến ảnh số 12 bản ảnh khám nghiệm phương tiện). Đây là các vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện.

Dấu vết chùn cong, dập vỡ, trượt xước nhựa, bám dính chất màu đen tại mặt trước chắn bùn động cơ và để chân trước bên phải của xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10, có chiều hướng từ trước ra sau (ảnh số 14, 15 bản ảnh khám nghiệm phương tiện) phù hợp với dấu vết chùn cong kim loại, trượt xước cao su tại để chân trước bên trái của xe mô tô biển kiểm soát 98K1-111.09, có chiều hướng từ sau ra trước (ảnh số 13, 14 bản ảnh khám nghiệm phương tiện).

(2) Hệ thống dấu vết cày xước ký hiệu số 1 phù hợp với quá trình sau khi va chạm, xe mô tô biển kiểm soát 98K1-111.09 đổ nghiêng trái, văng rê trên mặt đường tạo nên.

Hệ thống dấu vết cày xước ký hiệu số 2 phù hợp với quá trình sau khi va chạm, xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10 đổ nghiêng phải, văng rê trên mặt đường tạo nên.

(3) Vị trí va chạm giữa xe mô tô biển kiểm soát 98K1-111.09 với xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10 trên mặt đường tại trước điểm đầu hệ thống dấu vết cày xước ký hiệu số 1 và và số 2, thuộc chiều chuyển động bên phải theo hướng thị trấn C đi thị trấn N.

(4) Chiều hướng, tư thế va chạm: Tại thời điểm xảy ra va chạm, xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10 chuyển động theo hướng thị trấn C đi thị trấn N va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 98K1-111.09 ở phía trước trong tư thế đứng, đầu xe mô tô 98K1-111.09 chếch chéo sang trái (tính theo chiều chuyển động xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10). Không xác định được tại thời điểm xảy ra va chạm, xe mô tô biển kiểm soát 98K1-111.09 đang dừng đỗ hay chuyển động.

(5) Ngoài dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10 với xe mô tô biển kiểm soát 98K1-111.09, trên hai phương tiện không phát hiện thấy dấu vết va chạm với phương tiện nào khác.

(6) Không xác định được tốc độ của hai phương tiện tại thời điểm xảy ra tai nạn qua dấu vết cơ học.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 28/KL-ĐGTS ngày 18/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Sửa chữa, thay thế các phụ tùng của xe mô tô biển kiểm soát 98K1-111.09 có giá 720.000 đồng. Căn cứ biên bản giám định tình trạng kỹ thuật, tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản là 60%, do vậy giá trị thiệt hại còn: 720.000 đồng x 60% = 432.000 đồng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 29/KL-ĐGTS ngày 18/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Sửa chữa, thay thế các phụ tùng của xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10 có giá 2.320.000đồng. Căn cứ biên bản giám định tình trạng kỹ thuật, tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản là 85%, do vậy giá trị thiệt hại còn: 2.320.000 đồng x 85% = 1.972.000 đồng.

Ngày 08/7/2024, Cơ quan điều tra tiến hành dựng lại hiện trường, kết quả phù hợp với vị trí các điểm mốc, dấu vết, vị trí, khoảng cách các phương tiện khi khám nghiệm hiện trường.

Ngày 04/9/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho Lương Ngọc N quan sát bản ảnh được trích xuất từ Kết luận giám định. Kết quả quan sát, N khẳng định hình ảnh trong bản ảnh là hình ảnh liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 30/6/2024 tại thôn Đ, xã L, huyện T.

Tại Cáo trạng số: 71/CT- VKS ngày 30/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên đã truy tố bị cáo Lương Ngọc N về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Ngọc N từ 14 đến 16 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 tháng đến 32 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dụng vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay hôm nay chị Ngô Thị T1 đại diện theo pháp luật của bị hại và người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên chị T1 đã có ý kiến uỷ quyền cho ông Q, người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: tại phiên toà, bị cáo có mặt đã hoàn toàn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như quyết định truy tố đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Khoảng 20 giờ 10 phút ngày 30/6/2024, Lương Ngọc N (có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10 đi trên đường Q hướng xã L đi thị trấn N, huyện T. Khi đến Km 83+880, Quốc lộ A thuộc thôn Đ, xã L, huyện T, N điều khiển xe vượt xe mô tô biển kiểm soát 98K1-111.09 do ông Ngô Đức T điều khiển đi cùng chiều phía trước. Do không làm chủ tốc độ, vượt xe không đảm bảo an toàn, không có báo hiệu xin vượt, vượt xe trong khi xe của ông T đi trước đã xi nhan rẽ trái nên xe mô tô do N điều khiển đã đâm vào xe mô tô do ông T điều khiển, hậu quả làm ông T chết. Tuy nhiên, bị hại có một phần lỗi là điều khiển xe mô tô khi trong máu có nồng độ cồn, không giảm tốc độ, không chú ý quan sát đảm bảo an toàn khi chuyển hướng xe.

Hành vi nêu trên của Lương Ngọc N đã phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên đối với bị cáo như bản cáo trạng đã nêu là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, bản cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: bị cáo N là người có nhân thân tốt.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi gây tai nạn bị cáo N đã bồi thường gia đình bị hại số tiền 70.000.000 đồng. Gia đình của bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình phạt cho bị cáo. Bị cáo N là người trực tiếp thờ cúng liệt sỹ Lương Ngọc H3. Bị cáo có ông nội Lương Ngọc L được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo N có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, cụ thể và rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã chấp hành tốt pháp luật cũng như quy định của địa phương nơi cư trú. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho gia đình bị hại. Bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân chấp hành tốt pháp luật, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[5] Về vật chứng vụ án: Đối với xe mô tô biển kiểm soát 98K1-111.09 đăng ký mang tên Ngô Đức T là của ông T. Ngày 15/9/2024, Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô biển kiểm soát 98K1-111.09 cho ông Ngô Đức Q, sinh năm 1973, trú quán thôn Đ, xã L, huyện T (là em của ông T và là đại diện cho gia đình bị hại).

Đối với xe mô tô nhãn hiện H4, lại xe Aiblade, màu sơn đen, biển kiểm soát 98H1-442.10; 01 Giấy phép lái xe số 240208013222, hạng A1 mang tên Lương Ngọc N do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 23/9/2020; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 98001234 của xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10, mang tên Lương Ngọc N do Công an xã L cấp ngày 25/01.2024; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyên mô tô – xe máy của xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10 là tài sản và giấy tờ hợp pháp của bị cáo N. Tại phiên toà bị cáo đề nghị được xin lại nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Lương Ngọc N đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 70.000.000đ (bẩy mươi triệu đồng), gia đình bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Các bên thống nhất tự sửa chữa thiệt hại về hại phương tiện, không ai yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại

khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo, đại diện của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ cần được chấp nhận. Về mức hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lương Ngọc N 01 (một) năm tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lương Ngọc N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Lương Ngọc N 01 Giấy phép lái xe số 240208013222, hạng A1 mang tên Lương Ngọc N do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 23/9/2020; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 98001234 của xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10, mang tên Lương Ngọc N do Công an xã L cấp ngày 25/01.2024; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyên mô tô – xe máy của xe mô tô biển kiểm soát 98H1-442.10; 01 xe mô tô nhãn hiện Honda, lại xe Aiblade, màu sơn đen, biển kiểm soát 98H1-442.10 nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/10/2024).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lương Ngọc N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, đại diện của bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cụcTHADS huyện Tân Yên;
- Bị cáo, đại diện của bị hại;
- Lưu Hs, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Oanh